TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2019
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Ngoan

Bà Phan Hoàng Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Bé Thu - Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 712/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phan Chí T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: khóm T6, phường MH, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1997

Địa chỉ: khóm TA, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt anh T; chị D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/9/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phan Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Anh T và chị D do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường MH, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 197, ngày 26/10/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nguyên nhân do bất đồng về đời sống kinh tế, chi phí sinh hoạt trong gia đình chỉ do anh T gánh vác, chị D nghe lời mẹ ruột dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn và kéo dài. Do đó Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 (một) con chung Phan Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/7/2017. Khi ly hôn, Anh T đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng khị chị D có yêu cầu ông sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt không lý do trong thời gian chuẩn bị xét xử và không cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Anh T tranh chấp về ly hôn, nuôi con với chị D, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, Anh T có mặt trong quá trình tố tụng, tham gia phiên tòa. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa, tòa án đã nhiều lần

tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa Anh T và chị D xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ sự bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống hôn nhân vợ chồng nên vợ chồng đã không còn sống chung một thời gian dài, chị D không có ý kiến phản bác lại, cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải và xét xử, điều này đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung:

Có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/7/2017. Hiện cháu đang sống ổn định với bà D, ông T thống nhất để bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó cần sự ổn định cuộc sống của cháu nên để bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến, khi có yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Chí T. Anh Phan Chí T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D

[2] Về quan hệ con chung:

Có 01 (một) con chung tên Phan Nguyễn Trọng N, sinh ngày 27/7/2017. Bà D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Bà D phải tạo điều kiện cho ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0009936 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bà D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt